

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 12 - 2021.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Đình Nghệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hoàng Ngoan.

2. Ông Nguyễn Hoa Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Dương Thanh Giềng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020, về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp Z, xã V, huyện T, tỉnh Hậu Giang (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Choi J, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số A, B, C, D -do, Korea (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Dương N trình bày: Chị và anh Choi J kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc, theo giấy chứng nhận số 2016-15171, do Tổng lãnh sự quán Đại hàn Dân quốc tại thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/7/2016, đã được ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Sau

khi kết hôn, chị và anh Choi J chung sống tại Việt Nam khoảng một tuần, sau đó anh Choi J trở về Hàn Quốc và hai người không còn liên lạc với nhau. Nay chị Dương N yêu cầu được ly hôn với anh Choi J.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Dương N khai không có.

Đối với bị đơn là anh Choi J từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho Tòa án Tối cao Hàn Quốc để tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự cho anh Choi J nhưng kết quả ủy thác tư pháp không được do địa chỉ không đầy đủ. Chị Dương N không thể cung cấp đúng địa chỉ anh Choi J cho Tòa án và có yêu cầu Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết thông báo nội dung khởi kiện tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc và đăng tin trên kênh VOV5 Ban đối ngoại của Đài tiếng nói Việt Nam nhưng anh Choi J vắng mặt và cũng không có gửi văn bản nêu ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Dương N đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu, trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự; và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương N được ly hôn với anh Choi J. Riêng về con chung, tài sản chung và nợ chung, do đương sự khai không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Dương N, địa chỉ thường trú tại Ấp Z, xã V, huyện T, tỉnh Hậu Giang, có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Choi J là người có quốc tịch Hàn Quốc và đang cư trú tại Hàn Quốc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

[2] Bị đơn anh Choi J đã được Tòa án tiến hành thực hiện ủy thác tư pháp cho Tòa án Tối cao Hàn Quốc để tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nhưng kết quả ủy thác tư pháp không được do địa chỉ không đầy đủ. Chị Dương N không thể cung cấp đúng địa chỉ anh Choi J cho Tòa án và có yêu cầu Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết thông báo nội dung khởi kiện tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc và đăng tin trên kênh VOV5 Ban đối ngoại của Đài tiếng nói Việt Nam nhưng anh Choi J vắng mặt và không có gửi văn bản nêu ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Dương N đến Tòa án. Do đó, căn cứ vào điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử vắng mặt anh Choi J. Đối với chị

Dương N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương N và anh Choi J kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc, theo giấy chứng nhận số 2016-15171, do Tổng lãnh sự quán Đại hàn Dân quốc tại thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/7/2016, đã được ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp được pháp luật Việt Nam thừa nhận.

Xét thấy, sau khi kết hôn chị Dương N và anh Choi J chung sống tại Việt Nam khoảng một tuần, sau đó anh Choi J trở về Hàn Quốc và hai người không còn liên lạc với nhau. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Dương N và anh Choi J không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho chị Dương N được ly hôn với anh Choi J là phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

[3.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Dương N khai không có.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; lệ phí ủy thác tư pháp; chi phí dịch thuật văn bản tố tụng, niêm yết và đăng tin: Chị Dương N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 470, Điều 474, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 44 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Thông tư số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự.

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 122 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương N được ly hôn với anh Choi J.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Dương N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí chị Dương N đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006506 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang thành án phí.

3. Lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Dương N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp chị Dương N đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009666 ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang thành lệ phí ủy thác tư pháp.

4. Chi phí tố tụng (dịch thuật văn bản tố tụng, niêm yết và đăng tin ngày mở phiên tòa): Chị Dương N phải chịu là 4.280.000 đồng (Bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng), chuyển chi phí tạm ứng với số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) chị Dương N đã nộp theo Phiếu thu ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang thành chi phí tố tụng. Chị Dương N còn phải nộp thêm 280.000 đồng (Hai trăm tám mươi nghìn đồng).

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày và bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Đình Nghệ